

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **91/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27-7-2022.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang

Ông Đặng Quang Hoạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 442/2022/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1964

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1964

Cùng trú tại: Số abc, tổ a, xóm b, ấp Th H, xã H N c, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn – ông Trần Văn H, trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Bích Ng tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H N c, huyện Th Nh (nay là huyện Tr B), tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận ngày 07/12/1988.

Trong quá trình chung sống, ông và bà Ng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà Ng thường xuyên chửi bới và có những lời lẽ xúc phạm ông nên dần dần vợ chồng không còn chia sẻ được với nhau. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, lối sống không phù hợp, không có sự tôn trọng và tin tưởng nhau

trong mọi việc. Nay, ông nhận thấy đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Ng.

Về con chung: Ông và bà Ng có 03 con chung là Trần Minh T, sinh năm 1989; Trần Thị Minh H1, sinh năm 1992 và Trần Thị Minh Th, sinh năm 1994. Hiện tại, các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Bị đơn – bà Nguyễn Thị Bích Ng*: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo.

Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Bích Ng tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H N c, huyện Th Nh (nay là huyện Tr B), tỉnh Đồng Nai ngày 07/12/1988. Quá trình chung sống, giữa ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau. Nay, ông H nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông H yêu cầu được ly hôn với bà Ng là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Về con chung: Ông H và bà Ng có 03 con chung là Trần Minh T, sinh năm 1989; Trần Thị Minh H1, sinh năm 1992 và Trần Thị Minh Th, sinh năm 1994. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có; Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bị đơn - bà Nguyễn Thị Bích Ng hiện đang cư trú tại số abc, tổ a, xóm b, ấp Th H, xã H N c, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt*: Bà Nguyễn Thị Bích Ng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng bà Ng vẫn vắng mặt, không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bên cạnh đó,

nguyên đơn – ông Trần Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị Bích Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H N c, huyện Th Nh (nay là huyện Tr B), tỉnh Đồng Nai ngày 07/12/1988 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Ng, vụ án được thụ lý ngày 29/4/2022 nên áp dụng Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Ng không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông H là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng khi không có sự hợp tác của bà Ng. Do đó, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà Ng là có thật, bà Ng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà Ng có 03 con chung là Trần Minh T, sinh năm 1989; Trần Thị Minh H1, sinh năm 1992 và Trần Thị Minh Th, sinh năm 1994. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 147, 220, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 56 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H.

1. Ông Trần Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích Ng.
2. Về con chung: Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động

nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Trần Văn H phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000991 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Ông Trần Văn H đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã H N c, h. Tr B;
(GCNKH số 890 ngày 07/12/1988)
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thùy Dung